

Bản án số: 08/2020/KDTM-PT
Ngày: 27/5/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Thiềm Quốc Khanh

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 20/2018/KDTM-ST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Láng H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Phan Đình Pg, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thái H, ông Dương Văn N

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 31/01/2020).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: ông Dung T

Địa chỉ: Phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nông trường S

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Như Đình V

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2020).

Địa chỉ: khu vực B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. *Người kháng cáo:* Ngân hàng N

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/12/2012 bị đơn Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S (gọi tắt là Công ty S) đã ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01 ngày 11/7/2015 với hạn mức là 125 tỷ. Sau khi ký hợp đồng thì phía nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn nhiều lần theo các giấy nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, tính đến ngày 10/4/2017 phía bị đơn còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp số tiền gốc là 122.660.204.753 đồng, lãi trong hạn là 7.082.232.301 đồng, lãi quá hạn là 310.185.067 đồng. Để đảm bảo cho số tiền vay trên phía bị đơn đã thế chấp các tài sản cho nguyên đơn theo các hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 19/02/2009 thế chấp kho lạnh 1200 tấn.
- Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 24/9/2013 thế chấp 02 xe ô tô hiệu Chevrolet và ô tô hiệu Toyota
- Hợp đồng thế chấp số 02 ngày 24/9/2013 thế chấp Công trình, máy móc thiết bị trên quyền sử dụng đất có diện tích 50.000 m².
- Hợp đồng thế chấp số 04 ngày 07/7/2015 thế chấp gồm công trình xây dựng trên đất, công cụ dụng cụ, cây trồng và chi phí đào ao.

Hiện nay, nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số nợ gốc và lãi phát sinh cho nguyên đơn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn thì đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ tín dụng. Thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 122.660.204.753 đồng và lãi phát sinh mà nguyên đơn yêu cầu. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn thống nhất. Hiện các tài sản thế chấp cho nguyên đơn vẫn do bị đơn đang quản lý sử dụng, không thế chấp cho tổ chức tín dụng nào khác.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phía bị đơn đồng ý về việc chấm dứt hợp đồng thuê khoán theo yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nông trường S. Tuy nhiên, đề nghị phải xem xét đến chi phí đầu tư của bị đơn bao gồm chi phí khấu trừ tiền cần trừ với Công ty CP Thủy sản A là 21.915.224.079 đồng, trả nợ thay cho Công ty CP Thủy sản A với Nông trường S là 7.660.271.600 đồng và công trình xây dựng trên đất của bị đơn trên diện tích đất thuê khoán.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trước đây giữa Nông trường S với Công Ty CP Chế biến Thực phẩm S có ký hợp đồng giao khoán đất số 07 năm 2014 với diện tích 113,24 héc-ta, thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 30/6/2017. Tính đến thời điểm hiện nay thì thời hạn của hợp đồng đã hết. Ngoài ra bị đơn không trả tiền thuê đất Nông trường S trong thời gian dài mặc dù Nông trường S đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, hiện tại Nông trường S không yêu cầu bị đơn trả số tiền trên trong vụ án này. Nay, Nông trường S đề nghị chấm dứt hợp đồng giao khoán đối với bị đơn và đề nghị trả lại diện tích đất thuê khoán cho Nông trường S. Đối với yêu cầu của Công Ty CP Chế biến Thực phẩm S thì phía Nông trường S không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn vốn gốc và lãi suất tính đến ngày 14/8/2018 là 147.600.827.439 đồng (trong đó vốn gốc là 122.657.504.753 đồng, lãi trong hạn là 19.055.250.629 đồng, lãi quá hạn là 5.888.072.057 đồng) và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên. Nếu bị đơn không có khả năng thanh toán nợ thì đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Công Ty CP Chế biến Thực phẩm S thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ gốc và lãi suất. Thống nhất với yêu cầu của ngân hàng về việc phát mãi các tài sản thế chấp. Đồng ý một phần với yêu cầu độc lập của Nông trường S về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán. Tuy nhiên, yêu cầu khấu trừ vào số tiền mà bị đơn đã cần trừ nợ với Công ty Thủy sản Sông Hậu A và tiền trả nợ thay đổi với Nông trường S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nông trường S vẫn giữ yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê khoán và yêu cầu bị đơn tháo dỡ tất cả các công trình và tài sản gắn liền với đất trả lại toàn bộ diện tích thuê khoán cho Nông trường S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N;

Buộc Công Ty CP Chế biến Thực phẩm S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 147.600.827.439 đồng và

lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/HMTD.2015 ngày 11/7/2015 đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Trường hợp bị đơn không trả số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là:

- Nhà xưởng, kho 1.200 tấn, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SHF/2009 ngày 19/02/2009.

- Xe ô tô hiệu Chevrolet (số loại Orlando), biển số 65A-015.08, số khung 7551CH909453, số máy 18D4285323KA và xe ô tô hiệu Toyota, biển số 65M-2559, số khung 43G269204270, số máy 1TR6286484 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TC-SHF.2013 ngày 24/9/2013.

- Công trình xây dựng và máy móc thiết bị tọa lạc trên diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ319472, số vào sổ T00004 do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/5/2006 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/TC-SHF.2013 ngày 24/9/2013.

- Một phần tài sản thế chấp của hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015 là máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ sau khi di dời, tháo dỡ khỏi diện tích đất 113,24 hecta

- Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015 đối với việc nhận thế chấp là công trình, tài sản gắn liền với đất, cây trồng và chi phí đào ao trên diện tích đất 113,24 hecta của Nông trường S.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Nông trường S và bác yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S;

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng giao khoán số 07/2014/HĐGK.NTSH ngày 01/7/2014 giữa Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S với Nông trường S.

Buộc Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S tháo dỡ, di dời tất cả các công trình, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất thuê khoán (113,24 hecta) và trả lại diện tích đất thuê khoán cho Nông trường S.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 kháng cáo yêu cầu được phát mãi toàn bộ các công trình, tài sản gắn liền với đất, cây trồng và chi phí đào ao theo hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã trình bày nêu trên.

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Theo hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015 nguyên đơn nhận thế chấp tài sản là công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, cây trồng và chi phí đào ao. Cấp sơ thẩm nhận định đối với máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ mà nguyên đơn nhận thế chấp là phù hợp. Riêng công trình, tài sản gắn liền trên đất thế chấp là không phù hợp do đất là đất bị đơn thuê của Nông trường S và việc thế chấp của bị đơn Nông trường S cũng không biết. Đối với chi phí đào ao thì không được xem là tài sản theo quy định của pháp luật nên không thể thế chấp.

Với những ý kiến trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị đơn Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N (Gọi tắt là Ngân hàng) để vay vốn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ vốn là lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nông trường S có yêu cầu độc lập buộc bị đơn phải di dời toàn bộ công trình trên đất và trả lại diện tích đất thuê theo hợp đồng thuê khoán. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê khoán là có căn cứ đúng pháp luật.

[1] Kể từ thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng ngày 01/12/2012 để vay 125.000.000.000 đồng, có đăng ký thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay, tính đến ngày 14/8/2018 bị đơn còn nợ ngân hàng tổng số tiền 147.600.827.439 đồng (trong đó vốn gốc là 122.657.504.753 đồng, lãi trong hạn 19.055.250.629 đồng, lãi quá hạn 5.88.072.057 đồng) và bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng yêu cầu phát mãi toàn bộ tài thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015 để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy; theo hợp đồng thế chấp 04/HĐTC.2015 nêu trên thì tài sản thế chấp bao gồm: Công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, cây trồng và chi phí đào ao (theo phụ lục 2 kèm theo Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo số 04/BBĐG.2015 ngày 06/7/2015) và bị đơn cũng đồng thuận cho nguyên đơn phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp này. Do đó, nguyên đơn có quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp đúng quy định của pháp luật, ngoại trừ chi phí đào ao, bởi lẽ chi phí đào các ao nuôi trên phần đất mà bị đơn đã thuê của Nông trường S không được xem là

tài sản theo quy định của pháp luật và không thể thế chấp như cấp sơ thẩm đã nhận định là có cơ sở; đồng thời, bị đơn bỏ ra chi phí đào các ao nuôi và việc này chỉ có giá trị đối với hoạt động chăn nuôi của bị đơn chứ không phải là tài sản có giá trị phát mãi. Hiện tại hoạt động chăn nuôi cũng không còn, hợp đồng thuê đất cũng đã hết thời hạn, các bên cũng đã đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê khoán đất cho nên yêu cầu chi phí đào ao được nguyên đơn cho là tài sản thế chấp và yêu cầu phát mãi để thu hồi nợ trong trường hợp này là hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

Với những phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng không thể cho phát mãi các tài sản đã thế chấp là công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất thuê và yêu cầu bác kháng cáo của nguyên đơn là chưa thực sự phù hợp nên có cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Các nội dung còn lại của bản án đương sự không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét. Tuy nhiên đối với phần quyết định của bản án tuyên buộc bị đơn trả số nợ 147.600.827.439 tính đến ngày 14/8/2018 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhưng chưa tuyên cụ thể là lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/8/2018 là chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm cần bổ sung nội dung này.

[4] Hơn nữa, cấp sơ nhận định án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch là 2.000.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N;

Buộc Công Ty CP Chế biến Thực phẩm S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 147.600.827.439 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/8/2018 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/HMTD.2015 ngày 11/7/2015 đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Trường hợp bị đơn không trả số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là:

- Nhà xưởng, kho 1.200 tấn, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SHF/2009 ngày 19/02/2009.

- Xe ô tô hiệu Chevrolet (số loại Orlando), biển số 65A-015.08, số khung 7551CH909453, số máy 18D4285323KA và xe ô tô hiệu Toyota, biển số 65M-2559, số khung 43G269204270, số máy 1TR6286484 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TC-SHF.2013 ngày 24/9/2013.

- Công trình xây dựng và máy móc thiết bị tọa lạc trên diện tích đất 50.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ319472, số vào sổ T00004 do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/5/2006 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/TC-SHF.2013 ngày 24/9/2013.

- Một phần tài sản thế chấp của hợp đồng thế chấp tài sản số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015 là công trình xây dựng, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ và các cây trồng (Phụ lục 2 kèm theo Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 04/BBĐG.2015 ngày 06/7/2015) sau khi di dời, tháo dỡ khỏi diện tích đất 113,24 hecta.

- Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 04/HĐTC.2015 ngày 07/7/2015 đối với việc nhận thế chấp là chi phí đào ao trên diện tích đất 113,24 hecta của Nông trường S.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Nông trường S và bác yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S;

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng giao khoán số 07/2014/HĐGK.NTSH ngày 01/7/2014 giữa Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S với Nông trường S.

Công trình xây dựng, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ và các cây trồng trên diện tích 113,24 hecta được phát mãi trong giai đoạn thi hành án để buộc Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm S phải giao trả 113,24 hecta đất thuê khoán cho Nông trường S.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là 396.241.280 đồng (bao gồm 255.600.827 + 3.000.000 + 137.640.453). Nguyên đơn chịu 3.000.000 đồng tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 116.027.000 đồng theo biên lai thu số 003883 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Nông trường S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 007907 ngày 12/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000762 ngày 15/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 001836 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều ;
- Chi cục THADS. Q.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng